

*Mỏ Cày Nam, ngày 19 tháng 6 năm 2020*

Số: 39/2020/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 98/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

\* *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Đ, sinh năm: 1960; địa chỉ cư trú: ấp A, xã A1, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Đ:* Bà Nguyễn Thụy Mẫn Nh, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2020).

\* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền đề ngày 28/5/2020).

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn thiếu cho bà Trương Thị Đ là: 1.691.500.000 đồng (Một tỉ sáu trăm chín mươi một triệu năm trăm ngàn đồng - tính đến ngày 11/6/2020). Trong đó:

- Vốn gốc là: 1.350.000.000 đồng (Một tỉ ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Lãi với mức lãi suất 1.5%/tháng từ ngày 01/11/2018 đến ngày 11/6/2020 là: 341.500.000 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu năm trăm ngàn đồng - đã trừ đi 50.000.000 đồng mà bà Trương Thị Đ tự nguyện giảm cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T).

Số tiền này trả khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự mà Tòa án ban hành có hiệu lực pháp luật.

Về tiền lãi chậm trả trong quá trình thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày 11/6/2020, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 1.5%/tháng của số tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 31.372.500 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng), ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T tự nguyện liên đới chịu.

Hoàn trả cho bà Trương Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 30.806.000 đồng (Ba mươi triệu tám trăm lẻ sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010489, ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Các đương sự không còn yêu cầu, thỏa thuận nào khác.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam
- TAND tỉnh Bến Tre;
- CC.THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Lưu HS.

**Thẩm phán**

Đã ký

**Đỗ Thúy Hằng**